

## 18. KINH TỰ HOAN HỖ<sup>1</sup>

### Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại thành Na-nan-đà<sup>2</sup>, trong rừng Ba-ba-ly-am-bà<sup>3</sup>, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ Trưởng lão Xá-lợi-phất đang ở nơi nhàn tĩnh, thâm tự suy nghĩ rằng:

“Ta biết với tâm quyết định<sup>4</sup> rằng các Sa-môn, Bà-la-môn trong quá khứ, vị lai và hiện tại, không ai có trí tuệ, thần túc, công đức, đạo lực sánh bằng Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác<sup>5</sup>.”

Rồi Xá-lợi-phất rời khỏi tịnh thất, đi đến chỗ Phật; cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Phật rằng:

“Vừa rời ở tịnh thất, con thâm tự nghĩ rằng: ‘Các Sa-môn, Bà-la-môn trong quá khứ, vị lai và hiện tại, không ai có trí tuệ, thần túc, công đức, đạo lực sánh bằng Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.’”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Lành thay, lành thay, người có thể trước Phật mà nói lời như vậy.

- 
1. Bản Hán: *Phật Thuyết Trường A-hàm*, “Đệ nhị phần Tự Hoan Hỷ kinh Đệ thập tứ”. Tương đương Pāli: D.28, Deva Dig iii, 5. Sampadānīya-suttanta. Tham chiếu, *Phật Thuyết Tín Phật Công Đức kinh*, Đại I, tr.225; tham chiếu, Tổng Pháp Hiền dịch; *Tạp A-hàm* quyển 18.
  2. Na-nan-đà 那難陀, cũng âm là Na-lan-đà 那闍陀; Pāli: Naṇḍā, ở Ma-kiệt-đà (Magadha), phía Đông Bồ-đề đạo tràng. Xem Tây Vực Ký, Q. 9 (Đại LI, tr.919).
  3. Ba-ba-ly-am-bà lâm 波波利菴婆林; Pāli: Pāvārikambavana; khu vườn xoài trong chùa Nālanda.
  4. Hán: tâm quyết định 心決定 có lẽ tương đương Pāli: pasanno, tin tưởng sáng suốt.
  5. Pāli: na... Bhagavatā biyyo ‘bhiññatari yadidam sambodhiyan ti: không ai có thắng trí hơn Thế Tôn, tức giác ngộ.

Với tin tưởng xác quyết<sup>6</sup>, người thật sự cất tiếng rống sư tử. Các Sa-môn, Bà-la-môn không ai bằng người được. Thế nào, Xá-lợi-phất, người có thể biết những điều được nhớ nghĩ trong tâm của chư Phật quá khứ chăng? Biết Đức Phật ấy có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, giải thoát đường<sup>7</sup> như vậy chăng?”

Đáp rằng: “Không biết”.

“Thế nào, Xá-lợi-phất, người có thể biết những điều được nhớ nghĩ trong tâm của chư Phật đương lai chăng? Biết Đức Phật ấy có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, giải thoát đường như vậy chăng?”

Đáp rằng: “Không biết”.

“Thế nào, Xá-lợi-phất, nay, như Ta, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, những gì được nhớ nghĩ trong tâm, có giới như vậy, pháp như vậy, trí tuệ như vậy, giải thoát như vậy, giải thoát đường như vậy, người có thể biết được chăng?”

Đáp rằng: “Không biết”.

Phật lại bảo Xá-lợi-phất:

“Người không thể biết những điều được nhớ nghĩ<sup>8</sup> trong tâm của Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác trong quá khứ, vị lai, hiện tại, vì sao người lại suy nghĩ một cách xác quyết như thế? Nhân bởi sự kiện gì mà người phát sinh ý nghĩ như vậy, với tin tưởng xác quyết, cất tiếng rống sư tử? Nhưng các Sa-môn, Bà-la-môn khác nghe người nói: ‘Ta biết với tâm quyết định rằng các Sa-môn, Bà-la-môn trong quá khứ, vị lai và hiện tại, không ai có trí tuệ, thần túc, công đức, đạo lực sánh bằng Như Lai’, họ sẽ không tin lời người.”

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

“Con tuy không thể biết những điều suy nghĩ trong tâm của chư

<sup>6</sup>. Hán: nhất hướng thọ trì 一向受持; Pāli: ekaṃso gahito, nắm vững (vấn đề) một cách xác quyết.

<sup>7</sup>. Pāli: evaṃ sīlā... evaṃ-dhammā... evaṃ-paññā... evaṃ-vihārī... evaṃ-vimuttā... Bản Hán: giải thoát đường, có thể tương đương Pāli: vimutta-vihārī; an trú trong giải thoát; Pāli: vihāra, có nghĩa trú xứ, tinh xá, tự viện, tăng phòng; sự an trú; vihārī: người an trú; Hán thường dịch tinh xá, trú hay đường, thí dụ, Brahmavihāra, dịch là Phạm trú, cũng dịch là Phạm đường.

<sup>8</sup>. Hán: tâm trung sở niệm 心中所念; Pāli: ceto-pariya-nāṇa, tâm sai biệt trí, nhận thức về các trạng thái sai biệt của tâm tư.

Phật quá khứ, vị lai, hiện tại; nhưng con có thể biết pháp tổng tướng<sup>9</sup> của Phật. Như Lai thuyết pháp cho con, càng lúc càng cao, càng lúc càng vi diệu<sup>10</sup>; nói về pháp đen, pháp trắng; pháp duyên, không duyên; pháp chiếu, không chiếu<sup>11</sup>. Những điều Như Lai dạy, càng cao, càng vi diệu. Con sau khi nghe, biết từng pháp một<sup>12</sup>; đạt đến chỗ rốt ráo của pháp<sup>13</sup>, con tin Như Lai là Đấng Chí Chân, Đấng Chánh Giác; tin pháp của Như Lai được khéo phân biệt; tin chứng của Như Lai thành tựu sự diệt khổ. Trong các pháp thiện<sup>14</sup>, đây là tối thượng. Thế Tôn có trí tuệ vô dư, thần thông vô dư<sup>15</sup>. Các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh bằng Như Lai, hướng hồ muốn vượt lên trên.

“Pháp mà Thế Tôn đã dạy, lại có pháp cao hơn nữa; đó là các chế pháp<sup>16</sup>. Các chế pháp đó là: Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn thần túc, Bốn thiền, Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý, Tám hiền thánh đạo. Đó là các chế pháp vô thượng, trí tuệ vô dư<sup>17</sup>, thần thông vô dư. Các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh bằng Như Lai, hướng hồ muốn vượt lên trên.

“Pháp mà Thế Tôn đã dạy, lại có pháp cao hơn nữa, đó là chế các nhập<sup>18</sup>. Các nhập là mắt và sắc, tai và thanh, mũi và hương, lưỡi và vị,

- 
9. Tổng tướng pháp 總相法; Pāli: dhamm’*anvaya*, pháp loại cú, pháp thứ đệ, sự diễn dịch, loại suy theo pháp; chỉ giáo nghĩa tổng quát hay tinh yếu của giáo nghĩa.
10. Hán: chuyển cao chuyển diệu 轉高轉妙, nghĩa là pháp nói sau càng cao siêu vi diệu hơn pháp trước; pháp được giảng theo thứ tự từ thấp lên cao; Pāli: *uttaruttariṃ pañītapañītaṃ*.
11. Pāli: *kaṇha-sukka-sappaṭibhāga*, có sự đối chiếu giữa pháp đen và pháp trắng.
12. Hán: nhất nhất pháp 一一法, pháp cá biệt, đối với pháp tông tướng nói trên.
13. Hán: ư pháp cứu cánh 於法究竟; Pāli: *idh’ ekaccaṃ dhammaṃ dhammesu nitṭham agamaṃ*, đạt đến chỗ rốt ráo từng pháp một trong các pháp này.
14. Thiện pháp, chỉ giáo pháp được thiết lập hoàn hảo; Pāli: *etadānuttariyam bhante kusalesu dhammesu*.
15. Trí tuệ vô dư 智慧無餘; Pāli: *asesam abhijānāti*, (Ngài) hiểu biết một cách toàn diện, không còn sót điều gì. Bản Pāli không có “thần thông vô dư”; Pāli: *abhiññā*, dịch thần thông hay thắng tri, cùng gốc với *abhijānāti*.
16. Chế pháp 制法, pháp được chế định, thiết định; tức thiện pháp nói trên. Cou lē Pāli: *paóóatti-dhamma*. Xem cht.14.
17. Văn dịch thiếu chủ từ. Nên hiểu: các pháp ấy đã được Thế Tôn hiểu biết một cách toàn diện. Xem cht.15.
18. Chế chư nhập 制諸入; Pāli: *āyatana-paññatti*, sự chế định, thiết lập về (sáu) xứ.

xúc và thân, ý và pháp. Cũng như Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác quá khứ đã chế nhập này, tức là mắt và sắc,... cho đến, ý và pháp. Giả sử Như Lai, Chí Chân. Đẳng Chánh Giác vị lai cũng chế nhập ấy, tức là, mắt và sắc,... cho đến, ý và pháp. Nay Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng chế nhập ấy, tức là, mắt và sắc,... cho đến, ý và pháp. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp mà Thế Tôn đã dạy, lại có pháp trên nữa; đó là thức nhập thai<sup>19</sup>. Nhập thai là, một, loạn nhập thai<sup>20</sup>, loạn trú và loạn xuất; hai, không loạn nhập, loạn trú, loạn xuất; ba, không loạn nhập, không loạn trú nhưng loạn xuất; bốn, không loạn nhập, không loạn trú, không loạn xuất. Kia không loạn nhập, không loạn trú, không loạn xuất, là sự nhập thai bậc trên. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai thuyết, lại có pháp trên nữa, đó là đạo<sup>21</sup>. Nói là đạo, tức là, các Sa-môn, Bà-la-môn bằng đủ các phương tiện nhập định ý tam-muội<sup>22</sup>; rồi tùy tam-muội tâm<sup>23</sup> mà tu niệm giác ý, y dục, y viễn ly, y diệt tận, y pháp xuất yếu; tinh tấn, hỷ, khinh an<sup>24</sup>, định, xả giác ý, y dục, y viễn ly, y diệt tận, y pháp xuất yếu<sup>25</sup>. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai thuyết lại còn có pháp trên nữa; đó là diệt<sup>26</sup>. Diệt,

<sup>19</sup>. Nhập thai, hay thác thai, tức vào thai mẹ; Pāli: gabbhāvakkanti.

<sup>20</sup>. Hán: loạn nhập thai 亂入胎; Pāli: asampajāno.. mātu kucchim okkamati, vào thai mẹ mà không biết.

<sup>21</sup>. Đạo, đây chỉ Bồ-đề, tức gồm Bảy giác chi.

<sup>22</sup>. Định ý tam-muội 定意三昧, có lẽ Pāli: ceto-samādhī, sự tập trung tư tưởng.

<sup>23</sup>. Tam-muội tâm 三昧心; Pāli: samādhicitta, định tâm.

<sup>24</sup>. Trong bản Hán: y 猗. Đây theo thuật ngữ quen dùng, sửa lại là khinh an 輕安.

<sup>25</sup>. Trong đoạn này chỉ kể sáu giác chi, không có trạch pháp; Pāli: satta bhojjaṅgā.

<sup>26</sup>. Hán: diệt 滅. Đây đề cập bốn hành, tức quá trình tu tập bao gồm hai khía cạnh khổ và lạc, chậm và nhanh: khổ trì thông hành, khổ tốc thông hành, lạc trì thông hành, lạc tốc thông hành. Xem *Tập Dj Môn Túc luận* q.7 (Đại XXVI, tr.393b); Pāli:

tức là: Diệt bằng khổ hành nhưng chậm chứng đắc<sup>27</sup>, cả hai<sup>28</sup> đều thấp kém. Diệt bằng khổ hành, chóng chứng đắc<sup>29</sup>, duy chỉ khổ hành là thấp kém. Diệt bằng lạc, chậm chứng đắc, duy chỉ sự chậm là thấp kém. Diệt bằng lạc<sup>30</sup>, chóng chứng đắc<sup>31</sup>, nhưng không phổ rộng; vì không phổ rộng nên nói là thấp kém<sup>32</sup>. Như nay Như Lai diệt bằng lạc, chóng chứng đắc, mà lại phổ rộng, cho đến trời và người đều thấy biến hóa thân diệu.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Những điều Thế Tôn dạy vi diệu bậc nhất, cho đến nữ nhân cũng có thể thọ trì, dứt sạch lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự thân tác chứng ngay trong đời này: sanh tử đã tận, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn hậu hữu. Đó là sự diệt vô thượng được Như Lai dạy. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai dạy còn có trên nữa; đó là ngôn thanh tịnh<sup>33</sup>. Ngôn thanh tịnh, tức là, Thế Tôn đối với các Sa-môn, Bà-la-môn không nói lời hư dối vô ích; nói không cốt để hơn, không vì phe đảng, lời nói nhu hòa, không sai thời tiết, lời nói không phát suông. Đó gọi là ngôn thanh tịnh. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

---

paṭipada.

- <sup>27</sup>. Khổ diệt trì đắc 苦滅遲得, tức khổ trì thông hành 苦遲通行, thực hành khó mà chứng đắc lại chậm; Pāli: dukkhā paṭipadā dandhābhiññā.
- <sup>28</sup>. Cả hai, chỉ thực hành và chứng đắc.
- <sup>29</sup>. Khổ diệt tốc đắc 苦滅速得, tức khổ tốc thông hành 苦速通行; Pāli: dukkhā paṭipadā khippābhiññā.
- <sup>30</sup>. Lạc diệt trì đắc 樂滅遲得, tức lạc trì thông hành 樂遲通行; Pāli: sukhā paṭipadā dandhābhiññā.
- <sup>31</sup>. Lạc diệt tốc đắc 樂滅速得, tức lạc tốc thông hành 樂速通行; Pāli: sukhā paṭipadā khippābhiññā.
- <sup>32</sup>. Pāli nói khác: ayam... paṭipadā ubhayen' eva paṇitā akkhāyati sukhattā ca khippattā ca, cả hai thông hành nay đều vi diệu, tức là lạc và nhanh.
- <sup>33</sup>. Pāli: bhassa-samācara, ngôn thuyết chánh hành hay sự chân chánh của ngôn ngữ.

“Pháp Như Lai dạy còn có trên nữa, đó là kiến định<sup>34</sup>. Nói kiến định, là nói rằng, có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện nhập định ý tam-muội. Tùy tam-muội tâm, quán từ đầu đến chân, từ chân đến đầu, trong ngoài lớp da, chỉ có những thứ bất tịnh như tóc, lông, móng, gan, phổi, ruột, dạ dày, lá lách, thậm tức là năm tạng, mồ hôi, mỡ, tủy, não, phân, nước tiểu, nước mũi, nước mắt, chỗ hôi thối bất tịnh, không một cái gì đáng tham. Đó là kiến định thứ nhất.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, loại bỏ các thứ bất tịnh bên trong và ngoài da, chỉ quán xương trắng và răng. Đó là kiến định thứ hai.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, loại bỏ xương trắng và các thứ bất tịnh trong ngoài da, chỉ quán tâm thức<sup>35</sup> trú ở chỗ nào, ở đời này hay đời sau? Đời này không gián đoạn, đời sau không gián đoạn; đời này không giải thoát, đời sau không giải thoát. Đó là kiến định thứ ba.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, loại bỏ các thứ bất tịnh trong ngoài da và xương trắng, lại trùng quán thức. Thức ở đời sau, không ở đời này; đời nay gián đoạn, đời sau không gián đoạn; đời nay giải thoát, đời sau không giải thoát. Đó là kiến định thứ tư.<sup>36</sup>

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, loại bỏ các thứ bất tịnh trong ngoài da và xương trắng, lại trùng quán thức; không ở đời này, không ở đời sau, cả hai đều gián đoạn, cả hai đều giải thoát. Đó là kiến định thứ năm. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là thường pháp<sup>37</sup>. Thường pháp là, các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập

<sup>34</sup>. Kiến định 見定, trạng thái tập trung đạt được do thấy, tức do quán sát; Pāli: dassana-samāpatti.

<sup>35</sup>. Hán: tâm thức 心識; Pāli; viññāṇa-sota, thức lưu, dòng chảy của thức.

<sup>36</sup>. Pāli không nói đến kiến định này.

<sup>37</sup>. Thường pháp 常法; Pāli: sassata-vāda, thường luận hay thường trú luận, chủ trương thế giới thường tồn, vĩnh hằng.

định ý tam-muội<sup>38</sup>, tùy tam-muội tâm<sup>39</sup>, nhớ lại hai mươi thành kiếp và hoại kiếp<sup>40</sup> của thế gian, vị ấy nói: ‘Thế gian thường tồn, đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Vì do tôi nhớ lại, cho nên biết có thành kiếp và hoại kiếp ấy. Quá khứ còn lại thì tôi không biết. Thành kiếp, hoại kiếp vị lai, tôi cũng không biết.’ Người ấy sáng và chiều do vô trí mà nói rằng: ‘Thế gian thường tồn, duy chỉ đây là thật, ngoài ra là dối.’ Đó là thường pháp thứ nhất.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, nhớ lại bốn mươi kiếp thành và kiếp hoại, vị ấy nói: ‘Thế gian này thường, duy chỉ đây là thật, ngoài ra là dối. Vì sao? Vì tôi nhớ lại nên biết có thành kiếp, hoại kiếp. Tôi còn biết hơn thế nữa, biết thành kiếp, hoại kiếp. Nhưng tôi không biết sự thành và hoại của vị lai.’ Điều đó nói, biết khởi thủy mà không biết chung cuộc. Người ấy sáng mai, chiều tối, do vô trí mà nói rằng: ‘Thế gian thường tồn, duy chỉ đây là thật, ngoài ra là dối.’ Đó là thường pháp thứ hai.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, nhớ lại tám mươi thành kiếp, hoại kiếp, vị ấy nói rằng: ‘Thế gian này thường, ngoài ra là dối. Vì sao? Tôi nhớ lại mà biết có thành kiếp, hoại kiếp; lại còn biết thành kiếp, hoại kiếp quá khứ hơn thế nữa. Thành kiếp, hoại kiếp vị lai tôi cũng biết cả.’ Người ấy sớm chiều do vô trí mà nói lời này: ‘Thế gian thường còn, chỉ đây là thật, ngoài ra là dối.’ Đây là pháp thường tồn thứ ba. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp mà Như Lai thuyết còn có trên nữa, đó là quán sát<sup>41</sup>. Quán sát là, có Sa-môn, Bà-la-môn, do tưởng mà quán sát<sup>42</sup>, ‘tâm kia thú hưởng như thế, tâm này thú hưởng như thế.’ Tâm ấy khi phát tưởng như

<sup>38</sup>. Pāli: ceto-samādhim phusati, vị ấy đạt đến trạng thái tập trung của tâm.

<sup>39</sup>. Pāli: yathā samāhite citte, trong khi tâm được tập trung như vậy.

<sup>40</sup>. Hán: thành kiếp bại kiếp 成劫敗劫; Pāli: saṃvatti vā loko vivattī vā, thế giới chuyển thành hay thế giới chuyển hoại.

<sup>41</sup>. Pāli: ādesana-vidhā, ký tâm sai biệt, các trường hợp khác nhau về sự đọc được ý nghĩ của người khác.

<sup>42</sup>. Hán: dĩ tưởng quán sát 以想觀察; Pāli: nimmittena ādesati, nói ý nghĩ của người khác bằng cách dựa vào các hình tướng.

vậy, hoặc hư hoặc thật<sup>43</sup>. Đó là quán sát thứ nhất.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, không do tưởng mà quán sát, nhưng hoặc nghe lời của chư Thiên và phi nhân, mà nói với người kia rằng: ‘Tâm người như vậy, tâm người như vậy.’ Điều này cũng hoặc thật, hoặc hư. Đó là quán sát thứ hai.

“Các Sa-môn, Bà-la-môn, không do tưởng mà quán sát, cũng không nghe lời của chư Thiên hay phi nhân, mà tự quán sát thân mình, lại nghe lời người khác, mà nói với người kia<sup>44</sup> rằng: ‘Tâm của người như vậy, tâm của người như vậy.’ Điều này cũng có thật, cũng có hư. Đó là quán sát thứ ba.

“Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, không do tưởng quán sát, cũng không nghe lời chư Thiên và phi nhân nói, lại không tự quán sát, hay quán sát người khác; nhưng, trừ giác quán rồi, đặc định ý tam-muội, quán sát tâm người khác, mà nói với người ấy rằng<sup>45</sup>: ‘Tâm của người như vậy, tâm của người như vậy.’ Quán sát như thế là chân thật. Đó là quán sát thứ tư. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là giáo giới<sup>46</sup>. Giáo giới là, hoặc có trường hợp có người không trái với giáo giới, dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự thân tác chứng<sup>47</sup>: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn hậu hữu. Đó là giáo giới thứ nhất.

“Có người không trái với giáo giới, dứt sạch năm hạ phần kết, sau khi diệt độ chthon này sẽ không trở lại cõi này nữa. Đó là giáo giới thứ

<sup>43</sup>. Pāli: so bahum ce pi ādasati, tath’eva tam hoti, no aññathā, vị ấy quán sát nhiều lần như vậy, biết xác thật là như thế, không sai lầm.

<sup>44</sup>. Pāli: vitakkayato vicārayato vitakka-vipphāra-saddam sutvā ādati, y nơi tâm, y nơi tứ, vị ấy sau khi nghe âm thanh khuếch đại của tâm (suy nghiệm), bèn dự đoán rằng... (Đây chỉ trường hợp người đã chứng Sơ thiền).

<sup>45</sup>. Pāli: avitakkam avicāram samādhim samāpannessa cetasā ceto paricca pajānāti, vị ấy, do thành tựu chánh định không tâm không tứ, bằng vào tâm của mình mà biết rằng... Chỉ trường hợp một vị đã chứng Nhị thiền hay cao hơn.

<sup>46</sup>. Pāli: anusāsana.

<sup>47</sup>. Tự thân tác chứng 自身作證; Pāli: sayam abhiññā sacchikatvā, bằng nhận thức siêu việt, tự mình thể nghiệm.



hai.

“Hoặc có người không trái giáo giới, ba kết đã hết, dâm nô si mông, đắc Tư-đà-hàm, sẽ trở lại đời này mà diệt độ. Đó là giáo giới thứ ba.

“Hoặc có người không trái giáo giới, ba kết đã hết, đắc Tu-đà-hoàn, tối đa bảy lần trở lại, ắt sẽ thành đạo quả, không đọa ác thú. Đó là giáo giới thứ tư. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp mà Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, là thuyết pháp cho người khác, khiến cho giới thanh tịnh<sup>48</sup>. Giới thanh tịnh là, có Sa-môn, Bà-la-môn, có lời nói chí thành, không hề hai lưỡi, thường tự kính cẩn, dẹp bỏ ngủ nghĩ, không mang lòng tà siểm, miệng không nói dối, không dự đoán cát hung cho người, không tự mình xưng thuyết, đem sở đắc của người này tỏ cho người khác để cầu thêm lợi từ người khác<sup>49</sup>, tọa thiền tu trí, biện tài vô ngại, chuyên niệm không loạn, tinh cần không biếng nhác. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp mà Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là giải thoát trí<sup>50</sup>. Nói là giải thoát trí, đó là, Thế Tôn do nhân duyên của người khác mà nội tâm tư duy rằng: Người này là Tu-đà-hoàn; người này là Tư-đà-hoàn; người này là A-na-hàm, người này là A-la-hán. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp mà Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là tự thức túc

<sup>48</sup>. Pāli: Bhagavā dhammaṃ deseti purisa-sīla-samācāre, Thế Tôn thuyết pháp liên quan đến chánh hạnh về giới của con người.

<sup>49</sup>. Hán: bất tự xưng thuyết, tung tha sở đắc dĩ thị ư nhân, cánh cầu tha lợi 不自稱說從他所得以示於人更求他利. Tham chiếu Pāli: na ca nippe-siko na ca lābhena lābham nijjimsitā, không phải là kẻ lường gạt (người tung hứng), tham lam lấy lợi cầu lợi.

<sup>50</sup>. Pāli: para-puggala-vimutti-ñāṇa, nhận thức về sự giải thoát của người khác; ấn chứng sự giải thoát cho người khác.

mạng trí chứng<sup>51</sup>. Các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ các phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, tự mình nhớ lại vô số việc đời từ trước, một đời, hai đời,... cho đến trăm ngàn thành kiếp, hoại kiếp, vô số như vậy, ta sanh ở chỗ kia, có tên như vậy, chủng tộc như vậy, họ như vậy, thọ mạng như vậy, ẩm thực như vậy, khổ lạc như vậy; từ chỗ này sanh nơi kia; từ nơi kia sanh đến chỗ này, với nhiều tướng dạng khác nhau, tự nhớ vô số kiếp sự đời xưa, ngày đêm thường nghĩ nhớ những nơi đã trải qua. Đây là sắc. Đây là vô sắc. Đây là tưởng. Đây là vô tưởng. Đây là phi vô tưởng, thấy đều nhớ biết hết. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp Như Lai thuyết còn có pháp trên nữa, đó là thiên nhãn trí<sup>52</sup>. Thiên nhãn trí là, các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ các phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, quán chúng sanh, hoặc sống, hoặc chết, có sắc tốt, sắc xấu, định mệnh lành, định mệnh dữ<sup>53</sup>, hoặc đẹp, hoặc xấu, tùy theo chỗ làm, thấy đều thấy hết, biết hết. Hoặc có chúng sanh thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, phỉ báng Hiền thánh, tin theo tà kiến điên đảo, khi thân hoại mạng chung đọa ba đường dữ. Hoặc có chúng sanh có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, không báng bỏ Hiền thánh, chánh kiến, tín hành, khi thân hoại mạng chung sanh lên trời người. Bằng thiên nhãn thanh tịnh, quán chúng sanh, thấy biết như thật. Pháp ấy vô thượng, không gì có thể vượt qua; trí tuệ vô dư, thần thông vô dư; các Sa-môn, Bà-la-môn trong đời không ai có thể sánh ngang Như Lai, huống hồ vượt lên trên.

“Pháp mà Như Lai thuyết lại còn có trên nữa, đó là thần túc chứng<sup>54</sup>. Thần túc chứng là, các Sa-môn, Bà-la-môn, bằng đủ các phương tiện, nhập định ý tam-muội, tùy tam-muội tâm, thực hiện vô số thần lực; có thể biến một thân thành vô số thân; từ vô số thân hợp làm một thân; vách đá không trở ngại; ngồi kiết già giữa hư không; cũng

<sup>51</sup>. Pāli: pubbe-nivāsānussati-ñāṇa, túc trú tùy niệm trí 宿住隨念智, nhận thức nhớ lại các tiền kiếp.

<sup>52</sup>. Pāli: sattānamṃ cutūpapāta-ñāṇa, hữu tình sanh tử trí 有情生死智, nhận thức về sự sống và sự chết của chúng sanh.

<sup>53</sup>. Hán: thiện thú ác thú 善趣惡趣; Pāli: sugata, duggata.

<sup>54</sup>. Pāli: iddhi-vidhā.

như chim bay; vào ra lòng đất như ở trong nước; đi trên nước như đi trên đất; thân mình bốc khói, bốc lửa, như đồng lửa cháy rực; lấy tay sờ mặt trời, mặt trăng; đứng cao đến trời Phạm thiên. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn gọi đó là thần túc, thì nên bảo họ rằng: có thần túc như vậy, không phải không có. Nhưng loại thần túc ấy thấp kém, hèn hạ, là việc làm của phàm phu, không phải điều mà Hiền thánh tu tập. Nếu Tỳ-kheo đối với sắc thế gian yêu thích mà không nhiếp<sup>55</sup>, sau khi xả ly sắc ấy, làm việc đáng làm, ấy mới gọi là thần túc của Hiền thánh. Đối với sắc không đáng ưa cũng không ghét, sau khi xả ly sắc ấy, làm việc nên làm, ấy mới gọi là thần túc của Hiền thánh. Đối với sắc mà thế gian yêu, sắc mà thế gian không yêu, lia bỏ cả hai, tu bình đẳng xả<sup>56</sup>, chuyên niệm không quên<sup>57</sup>, ấy mới gọi là thần túc của Hiền thánh<sup>58</sup>.

“Cũng như Đức Thế Tôn tinh tấn dững mãnh, có đại trí tuệ, có tri có giác, đặc đệ nhất giác, cho nên gọi là Đẳng giác. Thế Tôn nay cũng không hoan lạc nơi dục<sup>59</sup>; không hoan lạc nơi điều tu tập của phàm phu thấp kém<sup>60</sup>, cũng không nhọc nhằn siêng năng để chịu các thứ khổ não. Thế Tôn nếu muốn loại trừ pháp xấu ác, có giác có quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng nhập Sơ thiên, thì như thế Ngài liền có thể loại trừ pháp xấu ác, có giác có quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng nhập Sơ thiên. Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, cũng vậy. Ngài tinh tấn, dững mãnh, có đại trí tuệ, có tri, có giác, đặc đệ nhất giác, nên gọi là Đẳng giác.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

- 
- <sup>55</sup>. Pāli: appaṭikkūle paṭikkūla-saññī vihareyyan, tôi có thể an trú với ý tưởng kinh tởm đối với cái kinh tởm. Hán: ái sắc 愛色; Pāli: appaṭikkūla; bất ái sắc 不愛色; Pāli: paṭikkūla; chỉ tính chất đáng nhàm tởm và không đáng nhàm tởm nơi vật chất.
- <sup>56</sup>. Nguyên Hán dịch: tu bình đẳng hộ 修平等護; Pāli: upekkhako tattha viharati, ở đây vị ấy an trú xả. Từ Pāli: upekkha, Skt.: upekṣa, thay vì dịch là xả 捨, đây dịch là hộ 護. Nay sửa theo dịch ngữ thông dụng nhất là xả. Xem cht. 124 tr. 107, kinh số 2 “Du Hành (iii)”.
- <sup>57</sup>. Hán: chuyên niệm bất vong 專念不忘; Pāli: sato sampajano, chánh niệm, chánh tri (tỉnh giác).
- <sup>58</sup>. Pāli: ayam... iddhi anāsavā anupadhikā ariyā vuccati, thần thông vô lậu, vô y này được gọi là Thánh.
- <sup>59</sup>. Hán: bất lạc ư dục 不樂於欲; Pāli: na ca... kāmesu kāmasukhallikānuyoga-yutto, không đam mê hưởng thụ nơi các dục lạc.
- <sup>60</sup>. Pāli: na ca atta-kilamatthānuyogam anuyutto, cũng không mê say tu tập khổ hạnh.

“Nếu có dị học ngoại đạo đến hỏi người rằng<sup>61</sup>: ‘Trong các Sa-môn, Bà-la-môn quá khứ có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?’ Người sẽ trả lời như thế nào? Người ấy lại hỏi: ‘Trong các Sa-môn, Bà-la-môn vị lai có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?’ Người sẽ trả lời như thế nào? Kia lại hỏi: ‘Trong các Sa-môn, Bà-la-môn hiện tại có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?’ Người sẽ trả lời như thế nào?”

Xá-lợi-phất liền trả lời:

“Giả sử được hỏi rằng: ‘Trong các Sa-môn, Bà-la-môn quá khứ có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?’ Con sẽ trả lời rằng: ‘Có.’ Giả sử được hỏi: ‘Trong các Sa-môn, Bà-la-môn vị lai có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?’ Con sẽ trả lời rằng: ‘Có.’ Giả sử được hỏi: ‘Trong các Sa-môn, Bà-la-môn hiện tại có ai sánh bằng Sa-môn Cù-đàm chăng?’ Con sẽ trả lời rằng: ‘Không.’”

Phật bảo Xá-lợi-phất :

“Dị học ngoại đạo kia lại hỏi: ‘Vì sao nói là có? Và vì sao nói là không?’ Người sẽ trả lời như thế nào?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Con sẽ trả lời người ấy rằng: ‘Các Bậc Tam-da-tam-phật quá khứ cùng sánh bằng Như Lai. Các Tam-da-tam-phật vị lai cùng sánh bằng Như Lai. Nhưng con tự thân nghe từ Phật, rằng không có trường hợp có thể nói có vị Tam-da-tam-phật hiện tại nào khác cùng sánh với Như Lai.’ Bạch Thế Tôn, con theo chỗ được nghe, y pháp, thuận pháp, mà trả lời như vậy, có phải là trả lời đúng chăng?”

Phật nói:

“Trả lời như vậy là y pháp, thuận pháp, không trái. Sở dĩ như vậy là vì, có các Đức Tam-da-tam-phật quá khứ sánh bằng Ta. Có những vị Tam-da-tam-phật vị lai sánh bằng Ta. Nhưng không có trường hợp để nói rằng có hai Đức Phật cùng xuất hiện thế gian cùng một lần.”

Lúc bấy giờ Tôn giả Uất-đà-di đứng sau Phật, đang cầm quạt quạt Phật. Phật nói với Uất-đà-di:

“Uất-đà-di, người hãy quán sát sự ít dục, biết đủ của Thế Tôn. Nay Ta có thần lực lớn, có uy đức lớn, mà ít dục, biết đủ, không hoan

---

<sup>61</sup>. Trước đoạn này; Pāli còn có một đoạn: “trong quá khứ..., vị lai..., hiện tại..., có ai hơn...” và được Xá-lợi-phất trả lời “không” cho cả ba trường hợp.

lạc trong các dục<sup>62</sup>. Uất-đà-di, nếu các Sa-môn, Bà-la-môn khác ở trong pháp này mà có thể tinh cần khó nhọc, chứng đắc một pháp, vị ấy sẽ dựng phướn mà bố cáo bốn phương xa rằng: ‘Nay Như Lai<sup>63</sup> này ít dục, biết đủ. Nay hãy quán sát sự ít dục, biết đủ của Như Lai. Như Lai có thần lực lớn, có uy đức lớn, không cần đến các dục.’”

Rồi thì, Tôn giả Uất-đà-di sửa y phục ngay ngắn, trích áo bày vai hữu, quỳ gối phải xuống đất, chấp tay bạch Phật rằng:

“Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, ít dục, biết đủ như Thế Tôn. Thế Tôn có thần lực lớn, có uy đức lớn, không cần đến các dục. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn khác, ở trong pháp này mà tinh cần khó nhọc chứng đắc một pháp, vị ấy sẽ dựng phướn tuyên cáo bốn phương xa rằng: ‘Thế Tôn<sup>64</sup> hiện nay là Bậc ít dục, biết đủ.’ Xá-lợi-phất, ngài hãy thuyết pháp này cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Những người ấy nếu có điều nghi ngờ đối với Phật, Pháp, Tăng, thì sau khi nghe pháp này sẽ không còn ở trong lưới nghi nữa.”

Bấy giờ Thế Tôn nói với Xá-lợi-phất :

“Người hãy nhiều lần giảng thuyết pháp này cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Vì sao? Vì những người ấy nếu có nghi ngờ đối với Phật, Pháp, Tăng, đối với đạo, thì sau khi nghe người giảng thuyết sẽ được thông tỏ.”

Xá-lợi-phất đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Rồi thì, Xá-lợi-phất nhiều lần giảng thuyết pháp này cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, vì để khiến họ được tự mình thanh tịnh, do đó được gọi là “Thanh Tịnh kinh”.

Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



<sup>62</sup>. Hán: bất lạc tại dục 不樂在欲; Pāli: atha ca pana na attānaṃ pātukarissati, nhưng Ngài không làm hiển lộ tự kỷ. Nghĩa là, không tự khoe khoang.

<sup>63</sup>. Chỉ ngoại đạo tự xưng; không phải Phật tự nói.

<sup>64</sup>. Xem cht.63.